

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 01-7-2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp K, xã VT, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Thành T: ông Võ Thành C, sinh năm 1956; *Địa chỉ:* Ấp N, xã L, huyện TT, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019) (*Có mặt*).

2. Bị đơn: - Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1953 (*vắng mặt*).

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp 4, xã TH, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 9 tháng 12 năm 2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Võ Thành C trình bày:

Trước ngày 15/9/2019 ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị T có đến đại lý Hai Hiếu 18 ấp K, xã VT, huyện V, tỉnh Long An để mua thuốc cho cá, đến ngày 15/9/2019 hai bên kết sổ thì ông M, bà T còn nợ ông T số tiền 139.327.000 đồng. Ông M, bà T hẹn trả nợ vào ngày 20/9/2019, nếu không trả thì chịu lãi suất 2%/ tháng. Đến

hẹn, ông T có đòi nợ nhiều lần nhưng ông M, bà T không trả nên ông T đã khởi kiện ông M, bà T đến Tòa án.

Tại phiên tòa ông Võ Thành C thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho ông Võ Thành T số tiền gốc là 139.327.000 đồng và lãi suất là 1.65%/tháng tính từ ngày 20/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01 tháng 7 năm 2020 ($139.327.000 \text{ đồng} \times 1,65\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = \text{làm tròn là } 21.533.000 \text{ đồng}$). Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông M, bà T phải trả cho ông là 160.860.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 12 năm 2019 bị đơn ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông Đoàn Văn M và Nguyễn Thị T thừa nhận có mua thức ăn cho cá và thuốc thủy hải sản của ông Võ Thành T tính đến ngày 15/9/2019 ông, bà còn thiếu nợ của ông T số tiền 139.327.000 đồng và ông, bà có ký nhận nợ với ông T. Ông, bà có hẹn đến 20/9/2019 sẽ trả tiền cho ông T nhưng do giá cá giảm nên đến nay vẫn chưa trả cho ông T được. Nay ông, bà không có tranh chấp gì về chất lượng, chủng loại hàng hóa với ông T. Ông M, bà T đồng ý liên đới trả cho ông Võ Thành T số tiền gốc là 139.327.000 đồng, đối với số lãi ông, bà sẽ thỏa thuận lại với ông T khi trả.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ông Võ Thành T khởi kiện ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông M, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm Điều 70 BLTTDS là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Ông T yêu cầu ông M, bà T trả tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ tiền gốc 139.327.000 đồng là có cơ sở vì: Căn cứ vào “bản cam kết trả nợ” ngày 15/9/2019 có chữ ký ông M, bà T thì ông M, bà T còn nợ ông T số tiền 139.327.000 đồng. Hơn nữa, trong biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2019 (BL 32-33) ông M, bà T thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của ông T số tiền nợ gốc 139.327.000 đồng và đồng ý trả cho ông T. Do đó, yêu cầu của ông T là có căn cứ xem xét chấp nhận theo Điều 430 và Điều 440 BLDS năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng của ông T, tại phiên tòa ông C là người đại diện hợp pháp của ông T thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi suất của ông T theo quy định tại khoản 1, Điều 468 BLDS năm 2015.

Bà T là vợ ông M, hợp đồng mua bán giữa ông T và ông M được thực hiện trong thời gian ông M, bà T sống chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà T phải có nghĩa vụ liên đới với ông M trả nợ cho ông T là phù hợp theo Điều 27 Luật HNGĐ.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy, yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ số tiền nợ gốc là 139.327.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định tại Điều 430, 440, khoản 1, Điều 468 BLDS 2015 và Điều 27 Luật HNGĐ 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Ông Võ Thành T khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải trả tiền mua bán thuộc cho cá, theo quy định khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Đoàn Văn M và Nguyễn Thị T đang sinh sống và trú tại ấp 4, xã TH, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T nhưng ông M, bà T vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông M, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Ông Võ Thành T yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả số tiền đã mua bán tài sản là 139.327.000 đồng và lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày 20/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01 tháng 7 năm 2020 (139.327.000 đồng x 1.65%/tháng x 9 tháng 11 ngày = làm tròn là 21.533.000 đồng). Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông M, bà T liên đới phải trả cho ông T là 160.860.000 đồng và cung cấp cho Tòa án giấy nhận nợ ngày 15/9/2019, đồng thời ông M, bà T thừa nhận nợ và mức lãi suất. Căn cứ vào Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự, yêu cầu của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[2] Ông Võ Thành T yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T liên đới trả nợ. Ông Đoàn Văn M và Nguyễn Thị T thừa nhận có mua thức ăn cho cá và thuốc thủy hải sản của ông Võ Thành T tính đến ngày 15/9/2019 ông, bà còn thiếu nợ của ông T số tiền 139.327.000 đồng và ông, bà có ký nhận nợ với ông T. Ông, bà có hẹn đến 20/9/2019 sẽ trả tiền cho ông T nhưng do giá cá giảm nên đến nay vẫn chưa trả cho ông T được. Nay ông, bà không có tranh chấp gì về chất lượng, chủng loại hàng hóa

với ông T. Ông M, bà T đồng ý liên đới trả cho ông Võ Thành T số tiền gốc là 139.327.000 đồng nên ghi nhận.

[3] Ông T yêu cầu ông M, bà T phải liên đới trả tiền mua bán hàng hóa và cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ có chữ ký của ông M, bà T với số tiền nợ là 139.327.000 đồng. Ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T thừa nhận có thiếu nợ ông T đến ngày 15/9/2019 số tiền 139.327.000 đồng và ông, bà thừa nhận có ký giấy “Cam kết trả nợ” với ông T. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Như vậy, việc ông T mua bán với ông M, bà T là có thật. Nay ông T yêu cầu ông M, bà T phải liên đới trả tiền mua bán tài sản là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[4] Tại phiên tòa ông Võ Thành C thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả lãi từ ngày 20/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01 tháng 7 năm 2020 (139.327.000 đồng x 1.65%/tháng x 9 tháng 11 ngày = làm tròn là 21.533.000 đồng). Ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T thừa nhận khi mua bán có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Nay ông, bà đồng ý trả lãi nhưng xin thỏa thuận lại với ông T.

Xét việc mua bán giữa ông T với ông M, bà T có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, nay các bên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả quy định tại Điều 357 của bộ luật này*”. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định “*Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này*”. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm*” tương đương 1,65%/tháng. Do đó, yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả lãi từ ngày 20/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 tháng 7 năm 2020 (139.327.000 đồng x 1.65%/tháng x 9 tháng 11 ngày = làm tròn là 21.533.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông T.

Ông Võ Thành T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T đối với ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Thành T tổng số tiền 160.860.000 đồng (139.327.000 đồng nợ gốc + 21.533.000 đồng lãi suất = 160.860.000 đồng).

Kể từ ngày ông Võ Thành T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông M, T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 8.043.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Thành T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008049 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Thành